TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/DS-PT
Ngày 17-9-2015
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh
Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Vân Anh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 49/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2018/QĐPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 68/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 405/2018/TB-MLPT ngày 06 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố D, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư Huỳnh Ngọc H – Văn phòng luật sư Huỳnh Ngọc H, Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn:

- Ông Lê Minh R, sinh năm 1942, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố D, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1966, bà Lê Thị Đức T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố D, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông G, bà T: Ông Lê Đức T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn T, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố D, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Phan Đức H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 284/8 đường G, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Ông Lê Đức H, sinh năm 1978, bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố D, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (ông H có mặt, bà T vắng mặt).

- Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1977, bà Phạm Tú Ánh N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 3, khu phố D, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị N – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Năm 1993, bà Phạm Thị N được ba ruột là ông Phạm Ngọc H tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 142, tờ bản đồ 19 tọa lạc tại phường K, thành phố B. Đất này do ông Phạm Ngọc H khai phá năm 1954. Bà là người kê khai và đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 525049 ngày 26-8-2013. Năm 2016, bà xây tường rào bảo vệ nhà của bà thì bị ông Lê Minh R, bà Nguyễn Thị H ngăn cản, họ yêu cầu bà không được xây trên móng đá của họ mà phải xây vào bên trong đất của bà. Do nghi ngờ gia đình ông Lê Minh R lấn chiếm đất nên bà yêu cầu đo đạc lại đất thì phát hiện bên nhà ông R lấn chiếm hơn 20m^2 đất nhà bà mà còn ngăn cản nhà bà xây dựng. Bà yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải cho hai bên nhưng gia đình ông R không chấp nhận hòa giải. Chính vì vậy bà khởi kiện đến Tòa yêu cầu ông R, bà H và ông G, bà T trả lại cho bà diện tích đất lấn chiếm theo ranh giới được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà. Theo kết quả đo vẽ thì diện tích đất ông R, bà H lấn chiếm của bà tại thửa số 477 và 479 lần lượt là 10,1m^2 và 5m^2, diện tích đất ông G, bà T lấn chiếm của bà tại thửa số 478 là 7,6m^2.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Lê Minh R, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 1978-1979 gia đình ông bà mua lại diện tích đất của ông Nguyễn Duy K và bà Đào Thị N. Năm 1979 thì xây dựng nhà trên đất. Năm 1991 ông bà kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng giấy tờ mua bán đất để thất lạc. Người bán đã xác nhận lại cho ông bà nhưng ghi thời gian chuyển nhượng vào năm 1982, có cán bộ xã xác nhận là 1.200m^2. Từ đó đến nay ông bà đã đóng thuế đầy đủ. Nhà nước làm đường đã 02 lần thu hồi diện tích đất của ông bà nên diện tích đất được cấp năm 2002 là 631,6m^2. Năm 2014, ông bà tách cho con là Nguyễn Văn G và Lê Thị Đức T đứng tên thửa đất số 478 với diện tích là 336,9m^2. Diện tích đất còn lại của ông bà là 302,9m^2 tại thửa đất số 477 và diện tích 86,9m^2 tại thửa số 479 tờ bản đồ 19 phường K, thành phố B. Nhiều lần ông bà xây dựng nhà cho các con, bà N và ông T đều chỉ ranh để xây dựng. Hai bên không có tranh chấp gì. Nay bà N khởi kiện cho rằng ông bà lấn chiếm đất và yêu cầu trả lại diện tích đất lấn chiếm. Ông bà khẳng định không lấn chiếm vì đã sử dụng ổn định.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị Đức T ủy quyền cho ông Lê Đức T trình bày:

Năm 2014 bà T được ba mẹ là Lê Minh R và Nguyễn Thị H tặng cho quyền sử dụng đất thửa số 478 với diện tích là 336,9m^2 được tách từ thửa đất của ba mẹ chuyển nhượng từ ông K và bà N. Bà T và chồng là Nguyễn Văn G có xây nhà và đã được bà N, ông T chỉ ranh xây dựng. Hai bên không có tranh chấp gì. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả lại diện tích đất lấn chiếm. Bà T và ông G không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Đề nghị Tòa án làm sáng tỏ vụ việc nếu bà T, ông G lấn chiếm thì sẽ trả lại, nếu bà T, ông G thiếu đất đề nghị Tòa án lấy lại đất cho bà T, ông G.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức H trình bày:

Ông H và vợ là Lê Thị Kim T được ba mẹ là ông Lê Minh R và bà Nguyễn Thị H cho sử dụng nhà đất tại thửa số 479 tờ bản đồ 19 phường K, thành phố B. Ông bà chỉ sử dụng chứ không có quyền quyết định quyền sử dụng diện tích đất này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T trình bày:

Ông T là chồng của bà N. Ông T đồng ý theo lời trình bày của bà N. Ông T không thừa nhận lời khai của bị đơn về việc ông là người chỉ ranh cho bị đơn xây dựng nhà. Việc bị đơn xây dựng là tự ý của họ. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Công nhận quyền sử dụng đất 10,1m^2 + 5m^2 thửa 142 tờ bản đồ 19 phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa thuộc quyền sử dụng của ông Lê Minh R và bà

Nguyễn Thị H. Theo sơ đồ vị trí tranh chấp ngày 26-9-2017 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cung cấp.

Ông Lê Minh R và bà Nguyễn Thị H trả lại cho bà Phạm Thị N giá trị đất 2.250.000 đồng.

Công nhận quyền sử dụng đất 7,6m^2 thửa 142 tờ bản đồ 19 phường K, thành phố B thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị Đức T theo sơ đồ vị trí tranh chấp ngày 26/9/2017 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa cung cấp.

Ông Nguyễn Văn G và bà Lê Thị Đức T trả lại cho bà Phạm Thị N giá trị đất 3.420.000 đồng.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đo vẽ, định giá và sao lục hồ sơ, nghĩa vụ trả lãi suất do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, nguyên đơn bà Phạm Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại thỏa đáng và xém xét lại phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Nguyên đơn, bà Phạm Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu kháng cáo như sau*: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại vì lý do: Bản án sơ thẩm chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà N yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất lấn chiếm theo ranh giới đất được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ mới giải quyết một phần yêu cầu này, hiện một phần đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà đang bị bị đơn xây dựng nhà lấn chiếm nhưng cấp sơ thẩm chưa giải quyết.

- *Bị đơn, ông Lê Minh R, bà Nguyễn Thị H trình bày*: Ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông bà là những người đến ở và xây dựng nhà trên thửa đất tranh chấp trước bà N. Khi xây nhà trên thửa đất của mình, ông bà đã xây phía trong ranh giới đất với thửa đất của bà N. Ranh giới giữa đất của ông bà với đất bà N trước đây là móng đá hộc do ông bà xây dựng để giữ đất. Khi đổ đất san lấp để làm nhà, ông bà vẫn đổ theo móng đá hộc này và hiện phần móng này vẫn còn (phía dưới nền đất tranh chấp). Khi ông bà xây móng đá hộc trên đã được cha bà N là ông H chỉ ranh và đồng ý. Do đó, ông đề nghị Tòa án xác minh, kiểm tra hiện trạng móng đá hộc này để làm căn cứ giải quyết vụ án. Ông bà không đồng ý trả đất hoặc thanh toán giá trị đất tranh chấp cho bà N như bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Bị đơn, ông Nguyễn Văn G, bà Lê Thị Đức T do ông Lê Đức T đại diện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức H trình bày: Các ông, bà đồng ý với quan điểm của cha mẹ ông là ông R và bà N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Văn T trình bày: Ông đồng ý với ý kiến của bà N.

- Luật sư Huỳnh Ngọc H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì chưa giải quyết hết yêu cầu của nguyên đơn. Việc nguyên đơn chỉ ranh đất ở cấp sơ thẩm là không đúng theo ranh mà nguyên đơn đã được cấp giấy nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ vấn đề này. Cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ vì sao diện tích cấp giấy của bị đơn ban đầu là 631,6 m^2 nhưng sau khi tách thành 3 thửa mới thì tổng diện tích lên đến 726,6 m^2, chênh lệch 95 m^2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà N gửi trong thời hạn luật định nên hợp lệ. Bị đơn ông G, bà T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà N, bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, ông G, bà T đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này là phù hợp.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa giải quyết lại vì: Cấp sơ thẩm chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phần diện tích đất nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại là theo ranh giới đã được xác định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi đó, bản án sơ thẩm chỉ mới giải quyết một phần diện tích đất này theo sự chỉ ranh của nguyên đơn. Lẽ ra cấp sơ thẩm phải làm rõ việc nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện hay không và có yêu cầu gì đối với phần còn lại đang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn mà bị đơn đang sử dụng hay không để giải quyết triệt để vụ án. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng ranh giới đất giữa hai bên là bờ đá hộc do bị đơn xây dựng hiện đang tồn tại phía dưới phần đất tranh chấp, ngay sát ranh đất hiện hữu. Ranh đất thực tế này đã được cha bà N là ông H xác nhận khi còn sống. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa xem xét làm rõ vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về đơn kháng cáo*: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị N nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng nội dung đơn chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Chưa nêu lý do của việc kháng cáo và người kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án

như thế nào. Cấp sơ thẩm không căn cứ Điều 274 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu người kháng cáo làm lại hoặc sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo cho phù hợp là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N thay đổi yêu cầu kháng cáo là đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét việc thay đổi yêu cầu kháng cáo này phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông G, bà T vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Đức T có mặt; còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T, bà N và bà T vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn, bà Phạm Thị N yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông R, bà H và ông G, bà T phải trả lại phần diện tích đất mà bị đơn lấn chiếm theo ranh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này cũng được bà N khẳng định lại tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, khi cấp sơ thẩm tiến hành đo vẽ phần đất tranh chấp theo sự chỉ ranh của các đương sự thì ranh giới mà các đương sự xác định không trùng với ranh giới thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp (theo sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa cung cấp). Cụ thể, ranh đất bà N chỉ là chưa hết phần đất mà bà đã được cấp giấy, theo yêu cầu khởi kiện của bà N. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không yêu cầu bà N xác định lại yêu cầu khởi kiện của mình là chỉ giải quyết phần đất tranh chấp theo sự chỉ ranh của bà hay theo ranh cấp giấy như trong đơn khởi kiện. Bởi lẽ, nếu chỉ giải quyết phần tranh chấp theo sự chỉ ranh của bà N thì về mặt pháp lý, bà N vẫn còn một phần đất nữa đã được cấp giấy nhưng lại bị phía bị đơn sử dụng để xây dựng nhà ở mà chưa được Tòa án giải quyết (phần đất này nằm xen kẽ giữa đất của bị đơn và đất của bà N). Nếu bà N không yêu cầu giải quyết đối với phần này thì phải có ý kiến xác nhận bằng văn bản.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N khẳng định bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đòi lại phần đất bị lấn chiếm theo ranh cấp giấy. Sở dĩ, bà không chỉ chính xác ranh đất theo ranh cấp giấy vì bà không xác định được ranh cấp giấy trên thực địa.

[2.3] Trường hợp này, lẽ ra cấp sơ thẩm phải yêu cầu bà N làm thủ tục cắm mốc đất trên thực địa trước để xác định ranh giới thửa đất của nguyên đơn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó mới tiến hành đo đạc, hoặc đo theo ranh hiện trạng và áp vào bản đồ địa chính dùng để cấp giấy để xác định phần đất tranh chấp thì mới xác định chính xác phần đất tranh chấp trong vụ án. Do cấp sơ thẩm không thực hiện các bước như trên nên xác định diện tích đất lấn chiếm không đúng với yêu cầu của đương sự. Vấn đề này cấp phúc thẩm không thể bổ sung được.

[2.4] Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn khẳng định khi xây dựng các căn nhà trên thửa đất của mình đều xây bên trong ranh giới thực tế với đất bà N là móng đá hộc đã được xây dựng từ khoảng năm 1980. Mục đích xây móng đá này là để kè giữ đất khi tiến hành san lấp nền đất cũ vốn là ao rau muống. Bị đơn khẳng định hiện móng đá này vẫn còn nằm dưới nền đất tranh chấp và là ranh giới đất giữa hai bên đã được ông H (cha bà N) thừa nhận khi còn sống. Do tại cấp sơ thẩm, phía bị đơn vắng mặt và không trình bày về vấn đề này nên chưa được cấp sơ thẩm xác minh, làm rõ.

[2.5] Từ những phân tích trên cho thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày một số vấn đề mới mà ở cấp sơ thẩm chưa đề cập và quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chưa điều tra, xác minh những vấn đề cần làm rõ trong vụ án mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[3] *Về án phí phúc thẩm*: Bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bà Phạm Thị N;

1. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. *Về án phí phúc thẩm*: Bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS Tp.Bà Rịa, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Vỹ